



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>26.925.922.775</b>	<b>30.826.604.497</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>286.204.489</b>	<b>195.129.438</b>
1. Tiền	111	5	286.204.489	195.129.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.032.662.678</b>	<b>29.230.955.247</b>
1. Phải thu khách hàng	131		23.890.584.062	28.916.430.956
2. Trả trước cho người bán	132		104.582.401	164.269.850
3. Các khoản phải thu khác	135	6	37.496.215	150.254.441
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.507.413.427</b>	<b>1.277.440.136</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	2.507.413.427	1.277.440.136
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>99.642.181</b>	<b>123.079.676</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	19.309.214	13.523.676
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	80.332.967	109.556.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>203.205.878</b>	<b>438.749.066</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>103.205.878</b>	<b>338.749.066</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	103.205.878	338.749.066
- Nguyên giá	222		2.027.998.190	1.909.234.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.924.792.312)	(1.570.485.124)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	100.000.000	100.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.129.128.653</b>	<b>31.265.353.563</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.245.040.556</b>	<b>10.304.992.367</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.245.040.556</b>	<b>10.264.317.591</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	3.003.949.439	3.671.914.613
2. Phải trả người bán	312		3.317.144.258	4.070.962.999
3. Người mua trả tiền trước	313		501.960	36.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.118.071.470	1.519.839.420
5. Phải trả người lao động	315		202.749.846	659.188.500
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	205.991.146	188.707.727
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		396.632.437	117.204.332
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>40.674.776</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	40.674.776
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>18.884.088.097</b>	<b>20.960.361.196</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>18.884.088.097</b>	<b>20.960.361.196</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	614.521.355	379.090.251
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	614.521.355	379.090.251
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	2.655.045.387	5.202.180.694
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>27.129.128.653</b>	<b>31.265.353.563</b>



Giám đốc

Phan Kế Thái

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Chu Quang Tuyền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	16	52.956.673.820	57.101.213.657
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	371.495.682	164.406.737
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	16	52.585.178.138	56.936.806.920
4. Giá vốn hàng bán	11	17	36.896.900.277	37.595.117.278
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>15.688.277.861</b>	<b>19.341.689.642</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	21.180.278	16.453.010
7. Chi phí tài chính	22	19	599.193.323	572.843.021
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		599.193.323	564.653.021
8. Chi phí bán hàng	24		3.720.596.517	3.162.074.502
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.239.270.514	9.909.855.078
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.150.397.785</b>	<b>5.713.370.051</b>
11. Thu nhập khác	31	20	45.964.645	17.957.189
12. Chi phí khác	32	21	24.119.253	9.945.786
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>21.845.392</b>	<b>8.011.403</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>22</b>	<b>3.172.243.177</b>	<b>5.721.381.454</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	570.585.172	1.012.759.367
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>22</b>	<b>2.601.658.005</b>	<b>4.708.622.087</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.734	3.139



Giám đốc

Phan Kế Thái

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Chu Quang Tuyền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	59.512.614.671	47.739.651.243
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(34.011.813.634)	(34.295.811.349)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.083.729.561)	(14.329.231.360)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(599.193.323)	(564.653.021)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.042.376.809)	(1.266.357.407)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	609.313.183	885.712.705
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.611.430.580)	(667.976.271)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.773.383.947</b>	<b>(2.498.665.460)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(135.824.000)	(107.192.425)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	300.000	200.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.180.278	16.453.010
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(114.343.722)</b>	<b>(90.539.415)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.370.924.762	27.655.236.658
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(34.038.889.936)	(24.099.905.045)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.900.000.000)	(1.350.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.567.965.174)</b>	<b>2.205.331.613</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>91.075.051</b>	<b>(383.873.262)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	195.129.438	579.002.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>286.204.489</b>	<b>195.129.438</b>



Giám đốc

Phan Kế Thái

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Chu Quang Tuyền

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 227/QĐ-NXBGD ngày 27/02/2009 của Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035463 ngày 05/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 02 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/06/2012 với mã số doanh nghiệp là 0103488607), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD, các xuất bản phẩm và các tài liệu khác;
- In và phát hành các xuất bản phẩm;
- Sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản;
- Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy-học;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm;
- Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các lớp học, bậc học (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (Trừ loại Nhà nước cấm).

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

### **4.6 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra. Đối với công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 2 năm.

### **4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### **4.9 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.10 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

040  
CỔ  
P.T  
(K  
Á K  
4 KH



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Dịch vụ tổ chức bản thảo, sách tham khảo, nhuận bút tác giả thuộc đối tượng không chịu thuế; Đối với dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản, đọc rà soát áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Là doanh nghiệp nhỏ và vừa, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 theo quy định của Thông tư số 140/2012 TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.13 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	285.299.120	195.129.438
Tiền gửi ngân hàng	905.369	-
<b>Cộng</b>	<b>286.204.489</b>	<b>195.129.438</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thu nợ lương khoán biên tập viên	29.496.215	106.847.130
Phải thu thuế thu nhập cá nhân CBCNV	-	42.679.311
Phải thu khác	8.000.000	728.000
<b>Cộng</b>	<b>37.496.215</b>	<b>150.254.441</b>

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	75.913.560	55.254.450
Chi phí SX, KD dở dang	88.575.324	53.521.956
Thành phẩm	1.267.347.147	627.746.734
Hàng hóa	1.030.741.776	460.739.376
Hàng gửi đi bán	44.835.620	80.177.620
<b>Cộng</b>	<b>2.507.413.427</b>	<b>1.277.440.136</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ hàng tồn kho	19.309.214	13.523.676
<b>Cộng</b>	<b>19.309.214</b>	<b>13.523.676</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	80.332.967	109.556.000
<b>Cộng</b>	<b>80.332.967</b>	<b>109.556.000</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.343.662.312	565.571.878	1.909.234.190
Mua sắm trong năm	-	135.824.000	135.824.000
Thanh lý, nhượng bán	-	17.060.000	17.060.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.343.662.312</b>	<b>684.335.878</b>	<b>2.027.998.190</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	1.142.774.162	427.710.962	1.570.485.124
Khấu hao trong năm	200.888.150	170.479.038	371.367.188
Thanh lý, nhượng bán	-	17.060.000	17.060.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.343.662.312</b>	<b>581.130.000</b>	<b>1.924.792.312</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	200.888.150	137.860.916	338.749.066
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>103.205.878</b>	<b>103.205.878</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 1.682.885.301 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 0 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Công trình Q. Cầu Giấy) Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

Đây là khoản đầu tư theo Hợp đồng góp vốn số 1D/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội để thực hiện đầu tư vào dự án Trung tâm Xuất bản – Phát hành Sách Giáo khoa tại Quận Cầu Giấy – Hà Nội .

### 12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	3.003.949.439	3.671.914.613
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	1.003.949.439	1.671.914.613
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	2.000.000.000	2.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.003.949.439</b>	<b>3.671.914.613</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	226.679.883	273.613.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp	540.967.730	1.012.759.367
Thuế thu nhập cá nhân	350.423.857	233.466.735
<b>Cộng</b>	<b>1.118.071.470</b>	<b>1.519.839.420</b>

### 14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	170.283.500	94.943.597
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.707.646	93.764.130
<b>Cộng</b>	<b>205.991.146</b>	<b>188.707.727</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2011	15.000.000.000	182.256.041	182.256.041	3.134.061.237	18.498.573.319
Tăng trong năm	-	196.834.210	196.834.210	4.708.622.087	5.102.290.507
Giảm trong năm	-	-	-	2.640.502.630	2.640.502.630
Số dư tại 31/12/2011	15.000.000.000	379.090.251	379.090.251	5.202.180.694	20.960.361.196
Số dư tại 01/01/2012	15.000.000.000	379.090.251	379.090.251	5.202.180.694	18.867.443.390
Tăng trong năm	-	235.431.104	235.431.104	2.601.658.005	3.072.520.213
Giảm trong năm	-	-	-	5.148.793.312	5.148.793.312
Số dư tại 31/12/2012	15.000.000.000	614.521.355	614.521.355	2.655.045.387	18.884.088.097

#### b. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu thường	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu thường	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

#### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.202.180.694	3.134.061.237
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.601.658.005	4.708.622.087
<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>5.148.793.312</b>	<b>2.640.502.630</b>
Phân phối lợi nhuận năm trước	3.948.793.312	2.440.502.630
- Trích quỹ đầu tư phát triển	235.431.104	196.834.210
- Trích quỹ dự phòng tài chính	235.431.104	196.834.210
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	542.500.000	500.000.000
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	235.431.104	196.834.210
- Trả cổ tức	2.700.000.000	1.350.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	1.200.000.000	200.000.000
- Trả cổ tức	1.200.000.000	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	200.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>2.655.045.387</b>	<b>5.202.180.694</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 14/04/2012 và tạm ứng cổ tức đợt I năm 2012 từ lợi nhuận các năm trước còn lại theo Nghị quyết số 07 ngày 04/12/2012 của Hội đồng quản trị.

### 16. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	52.956.673.820	57.101.213.657
+ Doanh thu tổ chức bán thảo	25.889.874.158	32.534.151.323
+ Doanh thu bán sách	10.902.122.854	7.623.246.190
+ Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	4.277.864.004	2.856.006.922
+ Nhuận bút	11.850.520.804	13.317.722.407
+ Doanh thu khác	36.292.000	770.086.815
Các khoản giảm trừ doanh thu	371.495.682	164.406.737
+ Hàng bán bị trả lại	371.495.682	164.406.737
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>52.585.178.138</b>	<b>56.936.806.920</b>

### 17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn dịch vụ tổ chức bán thảo	14.206.838.567	16.267.112.040
Giá vốn sách	7.727.455.810	5.539.907.843
Giá vốn dịch vụ biên tập, thiết kế, chế bản	3.115.992.359	2.454.372.352
Nhuận bút	11.810.798.645	13.305.722.408
Giá vốn khác	35.814.896	28.002.635
<b>Cộng</b>	<b>36.896.900.277</b>	<b>37.595.117.278</b>

### 18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.180.278	16.453.010
<b>Cộng</b>	<b>21.180.278</b>	<b>16.453.010</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 19. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	599.193.323	564.653.021
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	8.190.000
<b>Cộng</b>	<b>599.193.323</b>	<b>572.843.021</b>

### 20. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ bán thanh lý công cụ dụng cụ	4.999.999	16.992.089
Thu nhập từ bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	272.727	181.818
Thu thừa thuế TNCN của nhân viên chuyên công tác	-	783.282
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	40.674.776	-
Thu nhập khác	17.143	-
<b>Cộng</b>	<b>45.964.645</b>	<b>17.957.189</b>

### 21. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Phạt vi phạm hành chính thuế	21.862.808	9.867.930
Chi phí khác	2.256.445	77.856
<b>Cộng</b>	<b>24.119.253</b>	<b>9.945.786</b>

### 22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.172.243.177	5.721.381.454
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	88.243.520	65.814.930
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	88.243.520	65.814.930
- Chi phí không hợp lệ	66.560.000	55.947.000
- Phạt chậm nộp thuế	21.683.520	9.867.930
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.260.486.697	5.787.196.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	815.121.674	1.446.799.096
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30%	244.536.502	434.039.729
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	570.585.172	1.012.759.367
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>2.601.658.005</b>	<b>4.708.622.087</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.601.658.005	4.708.622.087
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.601.658.005	4.708.622.087
	1.500.000	1.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.734</b>	<b>3.139</b>

### 24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.525.634.382
Chi phí nhân công	14.708.458.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	371.367.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.476.132.902
Chi phí khác bằng tiền	4.728.157.476
<b>Cộng</b>	<b>41.809.750.817</b>

### 25. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro khi có sự biến động về lãi suất và giá hàng hóa.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc công ty đánh giá rằng Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất của Công ty ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Rủi ro về giá xảy ra khi giá của nguyên liệu, hàng hóa đầu vào biến động. Với ngành nghề kinh doanh chính là tổ chức biên soạn, sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo, thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản... chi phí đầu vào chủ yếu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là chi phí nhân công (nhuận bút, đọc đính chính, đọc góp ý, đọc thẩm định...) và các chi phí sản xuất chung khác (tiền phim, công in...). Chi phí nhân công chủ yếu phải trả cho các tác giả đã cộng tác nhiều năm với các Công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, khoản chi phí này tương đối ổn định trong những năm qua. Đối với chi phí công in, tiền phim, Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với giá bán thấp nhất có thể, tập trung số lượng đặt hàng lớn để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá từ nhà cung cấp đồng thời theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý nhất. Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty Sách Thiết bị trường học, các Công ty trong hệ Nhà xuất bản, các Phòng giáo dục. Đây là các khách hàng phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời. Do đó Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng và đối tác.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Cộng</u>
Các khoản vay và nợ	3.003.949.439	-	3.003.949.439
Phải trả người bán	3.317.144.258	-	3.317.144.258
Phải trả khác	35.707.646	-	35.707.646
<b>Cộng</b>	<b>6.356.801.343</b>	<b>-</b>	<b>6.356.801.343</b>
<u>31/12/2011</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Cộng</u>
Các khoản vay và nợ	3.671.914.613	-	3.671.914.613
Phải trả người bán	4.070.962.999	-	4.070.962.999
Phải trả khác	93.764.130	-	93.764.130
<b>Cộng</b>	<b>7.836.641.742</b>	<b>-</b>	<b>7.836.641.742</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	286.204.489	-	286.204.489
Phải thu khách hàng	23.890.584.062	-	23.890.584.062
Đầu tư tài chính	-	100.000.000	100.000.000
Phải thu khác	8.000.000	-	8.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.184.788.551</b>	<b>100.000.000</b>	<b>24.284.788.551</b>

  

<u>31/12/2011</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.129.438	-	195.129.438
Phải thu khách hàng	28.916.430.956	-	28.916.430.956
Đầu tư tài chính	-	100.000.000	100.000.000
Phải thu khác	43.407.311	-	43.407.311
<b>Cộng</b>	<b>29.154.967.705</b>	<b>100.000.000</b>	<b>29.254.967.705</b>

### 26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty có thể tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là dịch vụ xuất bản giáo dục (bao gồm tổ chức bản thảo, biên tập, chế bản...) và một bộ phận địa lý chính Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 27. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

#### a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Diên Hồng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư

#### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản GD Việt Nam	Thương của NXBGDVN, lãi vay	369.799.362	194.720.200
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	DT tiền công biên tập SGK	16.627.274.997	12.387.565.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	DT biên tập sách	228.258.160	1.704.474.860
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội	DT bán thảo STK, DVBT, DV đọc định chính	5.776.935.430	3.164.299.308
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	DT bán thảo STK, Nhuận bút	3.983.580.000	6.635.582.040
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	DT bán thảo STK, DVBT, Nhuận bút	6.853.517.556	13.832.181.012
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	DT bán thảo, DVBT	2.529.875.987	4.353.789.780
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	DT tiền công biên tập, bán STK	728.100.176	-
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	DT bán thảo STK	74.440.750	35.479.500
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	DT bán thảo STK, Nhuận bút	2.326.454.409	5.348.130.425
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	DT bán thảo STK, Nhuận bút	935.687.807	825.748.919

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Mua hàng

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản GD Việt Nam	Mua tem, cổ tức	1.080.000.000	504.524.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Thuê cơ sở vật chất, Điện, nước, phí quản lý xuất	1.279.374.840	429.647.600
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách	1.355.741.280	-
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Thiết kế chế bản, Mua sách, cổ tức	3.953.112.952	2.992.511.649
Công ty CP In Diên Hồng	Công in, thuê kho	91.960.000	172.199.841
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Công in	572.497.720	730.020.956
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Công in	200.500.000	404.780.000
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Đà Nẵng	Công biên tập, đọc góp ý	862.217.400	653.083.200

### c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2012

Công ty liên quan	Nội dung	Nợ phải trả VND	Nợ phải thu VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản GD Việt Nam	Phải trả người bán	228.937.538	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	-	1.385.638.849
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	9.451.500	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội	Phải thu khách hàng	-	1.314.256.614
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	-	3.350.245.904
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	-	8.256.572.178
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	-	2.533.281.175
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Phải trả người bán	857.072.303	-
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Phải trả người bán	81.798.303	-
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	709.704.600	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Phải thu khách hàng	-	751.840.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	-	331.363.807

### 28. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào ngày 14/04/2012 đã quyết định chia cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 18%/vốn điều lệ (tương ứng 2.700.000.000 đồng). Trong năm Công ty cũng tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 8% vốn điều lệ (tương ứng số tiền 1.200.000.000 đồng) từ lợi nhuận các năm trước còn lại theo Nghị quyết số 07 ngày 04/12/2012 của HĐQT.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Phan Kế Thái

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

Chu Quang Tuyền